

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 81, tổ 3 ấp N T, xã A T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 3 ấp N T, xã A T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm H trình bày:

Bà và ông Lê Văn Nh qua tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới bên nhà bà H năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới nhau vợ chồng sống tại ấp N T, xã A T, huyện Tri Tôn. Trong thời chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Nh không quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và có hành vi bạo lực nên bà và ông Nh đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Nh.

Về con chung: Có 01 con chung Lê Văn Lý Đ, sinh ngày 22/12/2012. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn Nh có tự khai như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Diễm H chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ năm 2015 đến nay, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 đứa tên Lê Văn Lý Đ, sinh ngày 22/12/2012, hiện nay do ông Nh đang nuôi dưỡng. Ông đồng ý để bà H nuôi con chung sau khi ly hôn, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Do bận công việc cá nhân nên xin vắng mặt khi tòa án triệu tập xét xử.

Ý kiến của cháu Lê Văn Lý Đ: Có nguyện vọng được sống với mẹ tên Nguyễn Thị Diễm H sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn Nh đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn Nh hiện đang sinh sống tại tổ 03, ấp N T, xã A T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Giữa ông Nh và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ 2010 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì “*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận

quan hệ vợ chồng giữa ông Nh và bà H theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 là có căn cứ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Lê Văn Nh có một con chung tên Lê Văn Lý Đ, sinh ngày 22-12-2012. Bà H và ông Nh thống nhất sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Diễm H sẽ nuôi con chung, sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Diễm H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Lê Văn Nh khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Diễm H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Lê Văn Nh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Lê Văn Nh là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn Lý Đ, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Diễm H nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000523 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà H đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Tri Tôn;
- Chi cục THADS H.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng